

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

THE REALITY OF PHYSICAL EDUCATION FOR STUDENTS OF VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY OF FORESTRY

Phạm Thu Hoài, TS. Nguyễn Quang Sơn
Trường Đại học Lâm nghiệp

Tóm tắt: Sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đề tài đã tiến hành đánh giá thực trạng công tác Giáo dục thể chất (GDTC) cho sinh viên (SV) trường Đại học Lâm nghiệp (ĐHLN). Kết quả nghiên cứu là cơ sở để lựa chọn các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn học GDTC cho sinh viên trường ĐHLN.

Từ khoá: Giáo dục thể chất, chất lượng giáo dục, sinh viên, Lâm nghiệp

Abstract: Using regular scientific research methods, the study has evaluated the reality of Physical Education (PE) for students at Vietnam National University of Forestry. The research results serve as the foundation for selecting solutions to enhance the quality of teaching Physical Education for students at Lam Nghiệp University.

Keywords: Physical Education, education quality, students, Forestry.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường là một mặt giáo dục quan trọng không thể thiếu trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện mục tiêu: “Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài” cho đất nước, để cho mỗi công dân, nhất là thế hệ trẻ có điều kiện “Phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức”[2]. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII năm 2016 xác định: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hoá và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật....”

Ngày 17 tháng 06 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1076/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 với mục tiêu: “Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và thể thao trường học nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể lực toàn diện, trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành thói quen tập luyện

thể dục, thể thao thường xuyên cho học sinh, sinh viên; gắn giáo dục thể chất, thể thao trường học với giáo dục ý chí, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, lành mạnh cho học sinh, sinh viên, đồng thời góp phần phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao cho đất nước”.

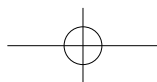
Để nâng cao chất lượng đào tạo môn học GDTC cho SV trường ĐHLN cần phải đánh giá đúng thực trạng công tác GDTC từ đó đề ra những giải pháp đồng bộ từ khâu xây dựng chương trình trình đào đến quá trình tổ chức tập luyện nhằm phát triển phong trào thể thao trong nhà trường. Xuất phát từ lý do trên đề tài tiến hành nghiên cứu: “Thực trạng công tác giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học Lâm Nghiệp”.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài sử dụng các phương pháp: phân tích tổng hợp tài liệu, quan sát sự phạm, kiểm tra sự phạm, toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC

Trong quá trình xây dựng và phát triển của Trường Đại học Lâm nghiệp, đội ngũ cán bộ giảng dạy đã không ngừng phát triển về số lượng



Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

và nâng cao chất lượng, trình độ chính trị và rộng quy mô đào tạo kết quả được trình bày ở trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu mở bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC của trường ĐHLN

Nội dung		Đơn vị	Năm học 2022-2023	
			n=12	%
Giới tính	Nam		8	66.67
	Nữ		4	33.33
Trình độ chuyên môn	TS		1	8.33
	ThS		10	83.33
	CN		1	8.33
Độ tuổi	<40		6	50.00
	40-50		6	50.00
	>50		0	0.00
Thâm niên	< 5		0	0.00
	5-10		0	0.00
	11-20		9	75.00
	>20		3	25.00
Chuyên môn	Môn bóng đá		1	8.33
	Môn bóng chuyền		3	25.00
	Môn cầu lông		1	8.33
	Môn Cờ vua		3	25.00
	Môn Điền kinh		2	16.67
	Môn Tennis		1	8.33
	Môn Võ thuật		1	8.33

(Nguồn từ thống kê trong năm học 2022 – 2023 của BM GDTC trường ĐHLN)

Từ bảng 1 cho thấy: Thực trạng đội ngũ giáo viên trong bộ môn giáo dục thể chất của trường với số lượng giáo viên giảng dạy là giảng viên, tất cả các giảng viên đều tốt nghiệp đại học, sau đại học, tuổi đời trẻ, tuổi nghề cao như vậy hoàn toàn có thể đáp ứng tốt cho quá trình giảng dạy chính khóa và hoạt động thể thao ngoại khóa (TTNK) cho SV trường ĐHLN.

Trong quá trình GDTC các giảng viên đều có thể đáp ứng tốt được quá trình giảng dạy chính khóa. Tuy nhiên để xây dựng phát triển chương trình đào tạo và huấn luyện các đội tuyển thể thao của nhà trường thì cần có đội ngũ giảng viên chuyên môn sâu về các môn thể thao để phụ trách các đội tuyển thể thao. Thực

trạng đội ngũ giảng viên chuyên môn sâu các môn thể thao cho thấy các môn thể thao có đội ngũ chuyên môn sâu đa dạng với 7 môn chuyên sâu khác nhau điều này sẽ rất thuận lợi cho quá trình xây dựng chương trình GDTC đáp ứng với nhu cầu của người học và phát triển phong trào TTNK trong nhà trường.

2.2. Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình GDTC

Trong quá trình GDTC yếu tố cơ sở vật chất đóng vai trò quan trọng và quyết định đến chất lượng giờ giảng và phong trào TTNK trong nhà trường. Để đánh giá thực trạng cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình giảng dạy chính khóa và hoạt động TTNK cho sinh viên trường ĐHLN. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình GDTC

TT	Loại hình sân bãi dụng cụ	Số lượng Năm 2022 – 2023			
		Khu giảng dạy	Khu ký túc xá	Tổng số	Chất lượng
A	Sân bãi dụng cụ				
1	Sân bóng đá 11 người (có nhân tạo)	1	0	1	Tốt

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

TT	Loại hình sân bãi dụng cụ	Số lượng Năm 2022 – 2023			
		Khu giảng dạy	Khu ký túc xá	Tổng số	Chất lượng
2	Sân bóng đá đất nện (7 người)	0	1	1	Khá
3	Sân bóng chuyền	2	2	4	Khá
4	Sân bóng rổ	0	1	1	Khá
5	Sân cầu lông	5	2	7	Tốt
6	Bàn bóng bàn	2	2	2	Khá
7	Sân tập đa năng	1	3	4	Trung bình
8	Nhà đa chức năng	1	0	1	Tốt
9	Bể bơi (15x25m)	1	0	1	Tốt
10	Đệm thảm tập võ(chiếc)	100m ²	0	100m ²	Tốt
B Sử dụng các phương tiện hỗ trợ					
1	Máy chiếu	1	0	Tốt	1
2	Tranh ảnh	2 bộ	0	Tốt	2
3	Loa trợ giảng	2	0	Tốt	2

Kết quả bảng 2 cho thấy, cơ sở vật chất đảm bảo cho quá trình giảng dạy chính khóa và tập luyện ngoại khóa của SV trường ĐHLN cho đến năm học 2022-2023 đã đảm bảo về số lượng và chất lượng đối với các môn đang giảng dạy tại trường. Về sân tập, tổng diện tích khu tập luyện, nhà thi đấu đa năng và bể bơi là 20.000m², với quy mô hiện tại của nhà trường đang đào tạo là 16.000 SV. Các công trình như

sân bóng đá cỏ nhân tạo, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn đã được nhà trường cho xã hội hóa về cơ sở vật chất... đều ở mức tốt và khá, đủ tiêu chuẩn thi đấu và đăng cai thi đấu giải do các cấp tổ chức.

Kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ GV về điều kiện giảng dạy GDTC và hoạt động thể thao ngoại khóa được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng đánh giá về điều kiện giảng dạy GDTC của GV

TT	Mức độ đánh giá	Phân bố tỉ lệ (n=12)		Tổng hợp		So sánh	
		n_i	%	$\sum n_i$	%	χ^2	P
1	Tốt	6	50.00	1	91.67	19.5	<0.001
2	Khá	4	33.33				
3	Trung bình	1	8.33				
4	Chưa đạt	1	8.33	1	8.33		
5	Khó khăn	0	0				
6	Rất khó khăn	0	0.00				
7	Lý do khác	0	0.00				

Kết quả bảng 3 cho thấy, có 91.67% GV nhìn nhận rằng điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo cho giảng dạy, huấn luyện giữa mức trung bình trở lên, có 8.33% đánh giá là chưa đạt với sự khác biệt thể hiện $\chi^2_{tính} > \chi^2_{bảng}$ (P<0.001).

2.3. Thực trạng nội dung chương trình đào tạo chính khóa và thể thao ngoại khóa

2.3.1. Nội dung chương trình đào tạo chính khóa

Căn cứ vào các điều kiện thực tế của trường cũng như đặc điểm nhu cầu và sở thích của sinh viên, Bộ môn giáo dục thể đã tiến hành xây dựng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo. Thời gian phân bố chương trình môn học GDTC hiện hành của trường được thể hiện ở bảng 4.

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

Bảng 4. Thực trạng nội dung chương trình môn học GDTC cho sinh viên trường Đại học Lâm Nghiệp

TT	Nội dung chương trình	Ký hiệu	Tổng số tiết	Phân bổ thời gian	
				Lý thuyết	Thực hành
I	Nội dung chương trình bắt buộc				
1	Thể dục	TC1	30	2	28
II	Nội dung tự chọn cấp độ 1				
1	Môn bóng đá 1	2A	30	2	28
2	Môn bóng chuyên 1	2B	30	2	28
3	Môn cầu lông 1	2C	30	2	28
4	Cờ vua 1	2D	30	2	28
5	Võ thuật 1	2E	30	2	28
6	Khiêu vũ 1	2F	30	2	28
7	Bơi lội 1	2H	30	2	28
III	Nội dung tự chọn cấp độ 2				
1	Môn bóng đá 2	3A	30	2	28
2	Môn bóng chuyên 2	3B	30	2	28
3	Môn cầu lông 2	3C	30	2	28
4	Cờ vua 2	3D	30	2	28
5	Võ thuật 2	3E	30	2	28
6	Khiêu vũ 2	3F	30	2	28
7	Bơi lội 2	2H	30	2	28

Qua bảng 4 cho thấy: Về chương trình đào tạo môn học GDTC cho sinh viên trường ĐHLN là 3 tín chỉ (Mỗi tín chỉ thực hành được quy định là 30 tiết) bao gồm 01 tín chỉ bắt buộc và 02 tín chỉ tự chọn. Nội dung tự chọn với 7 môn thể thao được chia làm hai cấp độ, cấp độ cơ bản và cấp độ nâng cao. Chương trình tự chọn cơ bản đáp ứng được nhu cầu và sở thích của sinh viên và hướng sinh viên đến thể dục thể thao thực dụng nghề nghiệp (võ

thuật, bơi lội).

2.3.2. Thực trạng công tác TDTT ngoại khóa của sinh viên trường Đại học Lâm Nghiệp

Hình thức tổ chức tập luyện TTNK của SV trường ĐHLN

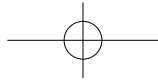
Kết quả khảo sát thực trạng hình thức tổ chức tập luyện của SV trường ĐHLN được trình bày tại bảng 5.

Bảng 5. Thực trạng hình thức tổ chức tập luyện TTNK của SV trường ĐHLN

Đối tượng Nội dung	Tổng thể (n=600)		SV nam (n=350)		SV nữ (n=250)		So sánh	
	n	%	n	%	n	%	χ^2	P
Có người hướng dẫn	120	20.00	73	20.86	47	18.80	143	<0.001
Tự tập luyện	375	62.50	215	61.43	160	64.00		
Kết hợp cả hai	105	17.50	62	17.71	43	17.20		
So sánh	χ^2	230.35	124.84	105.9				
	P	<0.001	<0.001	<0.001				

Kết quả bảng 5 cho thấy, hình thức tổ chức tập luyện TTNK của SV trường ĐHLN chủ yếu là các hoạt động tự tập về tổng thể tỷ lệ 62.50% các hoạt động có GV hướng dẫn và

kết hợp tự tập luyện với có GV hướng dẫn chiếm tỷ lệ thấp 20% và 17.50 %, xét về giới tính tỷ lệ tự tập luyện của nam 61.43% với nữ 64.00%. Tập luyện ngoại khóa có GV hướng



Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

dẫn chiếm tỷ lệ thấp 20.86% với nam và 18.80% đối với nữ. Tập luyện ngoại khóa kết hợp cả hai hình thức vừa tự tập luyện vừa có người hướng dẫn đối với nam là 17.71% nữ là 17.20%. Hình thức tập luyện có người hướng dẫn của nam cao hơn so với nữ, hình thức tự

tập luyện của nữ cao hơn so với nam, sự khác biệt có ý nghĩa ($\chi^2_{tính} < \chi^2_{bảng}$ với $P > 0.05$).

Địa điểm tổ chức tập luyện TTNK của SV trường ĐHLN

Kết quả khảo sát thực trạng địa điểm tổ chức tập luyện TTNK của SV trường ĐHLN được trình bày tại bảng 6.

Bảng 6. Thực trạng địa điểm tập luyện TTNK với các môn TTGT của sinh viên trường ĐHLN

Đối tượng Địa điểm	Tổng thể (n=600)		SV nam (n=350)		SV nữ (n=250)		So sánh	
	n	%	n	%	n	%	χ^2	P
Khu thể thao của trường	229	38.17	122	34.86	107	42.80	4.34	>0.05
Khu ký túc xá	106	17.67	68	19.43	38	15.20		
Các nơi khác	265	44.17	160	45.71	105	42.00		
So sánh	χ^2	69.51	36.64		37.02			
	P	<0.001	<0.001		<0.001			

Kết quả bảng 6 cho thấy, địa điểm tập luyện TTNK của SV ở ngoài trường chiếm tỉ lệ cao là 44.17% và trong khu thể thao của trường là 38.17%; còn lại chỉ rất sinh viên tham gia tập tại ký túc xá của nhà trường (17.67%) sự khác biệt thể hiện qua chỉ số $\chi^2_{tính} > \chi^2_{bảng}$ với $P < 0.001$. Về giới tính, so sánh giữa nam và nữ cho thấy không có sự khác biệt nhiều về địa

điểm tập luyện TTGT ($\chi^2_{tính} < \chi^2_{bảng}$ với $P > 0.05$).

Thực trạng kinh phí dành cho hoạt động TTNK ở trường ĐHLN

Kinh phí dành cho các hoạt động thể thao ngoại khóa được tổng hợp trong 5 năm từ năm 2018 đến năm 2022 được trình bày tại bảng 7.

Bảng 7. Thực trạng kinh phí dành cho hoạt động thể thao ngoại khóa thường xuyên cho sinh viên trường ĐHLN

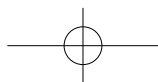
Đơn vị tính 1.000đ

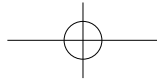
T T	Nội dung	Kinh phí dành cho hoạt động ngoại khóa				
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổ chức các giải thể thao thường niên trong trường	86,870	99,110	99,630	70,400	71,400
2	Tham gia thi đấu các giải thể thao do Hội TT ĐH&CN Hà Nội và Hội TT ĐH&CN Việt Nam tổ chức	80,000	119,560	110,570	95,570	83,110
3	Đăng cai các giải thể thao do Hội TT ĐH&CN Hà Nội ủy nhiệm	15,000	35,000	30,000	25,000	10,000
Tổng cộng		181,870	253,670	240,200	190,970	164,510

(Nguồn số liệu thống kê từ năm 2018–2022 của Ban văn thể trường ĐHLN)

Kết quả bảng 7 cho thấy, kinh phí hoạt động thể thao ngoại khóa dành cho SV trường ĐHLN hàng năm được ban hành theo quy chế chi tiêu

nội bộ của nhà trường. Kinh phí hoạt động văn thể được trích từ 8% quỹ học bổng của sinh viên. Căn cứ vào tình hình tuyển sinh của từng năm





Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

để phân bổ kinh phí. Từ năm 2018 nguồn tuyển sinh đầu vào gặp khó khăn kéo theo kinh phí dành cho hoạt động thể thao ngoại khóa cũng giảm, kinh phí dành cho hoạt động thể thao ngoại khóa không ổn định.

DHLN tại các giải thể thao do Hội TT ĐH&CN Hà Nội tổ chức

Kết quả thành tích đội tuyển sinh viên trường ĐHLN đạt được trong 5 năm gần đây được trình bày tại bảng 8.

Thành tích thi đấu của sinh viên trường

Bảng 8. Thực trạng thành tích thi đấu của SV trường ĐHLN tại các giải thể thao do Hội TT ĐH&CN Hà Nội tổ chức

TT	Nội dung tham gia thi đấu	Thành tích				
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tham gia giải bóng bàn CBVC, HSSV các trường ĐH, CĐ HN	2 Bạc 1 Đồng	1 Bạc 2 Đồng			1 Bạc 2 Đồng
2	Giải bóng chuyên nam SV KVHN	Tứ kết	Tứ kết			
3	Giải bóng chuyên nữ SV KVHN				Tứ kết	Ba
4	Giải Cầu lông CBVC, HSSV các trường ĐH, CĐ HN	2 Bạc 1 Đồng	1 Vàng 2 Bạc		1 Vàng 2 Bạc	1 Đồng
5	Tham gia giải bóng đá nam SV KVHN	Tứ kết	Tứ kết		Vòng bảng	
6	Tham gia giải bóng đá nữ SV KVHN	Vàng	Đồng		Bạc	
7	Giải điền kinh việt dã các trường ĐH, CĐ HN	2 Bạc 3 Đồng	1 Bạc 2 Đồng			

(Nguồn số liệu thống kê từ năm 2018–2022 của Bộ môn GDTC trường ĐHLN)

Kết quả bảng 8 cho thấy, thành tích của đội tuyển sinh viên trường ĐHLN tại giải do Hội TT ĐH&CN Hà Nội tổ chức vẫn còn thấp, thành tích không ổn định qua các năm ở các môn thể thao; đội tuyển bóng đá nam nhà trường thường xuyên tham gia các giải nhưng trong 5 năm liên tiếp tham gia thi đấu nhưng chưa có thứ hạng cao. Đội tuyển bóng chuyên nam, nữ, bóng bàn tham gia không đều và chưa có thành tích. Các giải thi đấu như bóng rổ, khiêu vũ, bơi lội, võ thuật là các môn đang

rất phổ biến và thu hút nhiều trường tham dự nhưng trường ĐHLN chưa có đội tuyển tham gia trong 5 năm qua.

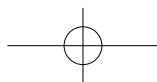
2.4. Thực trạng nhận thức của sinh viên đối với môn học GDTC

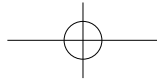
2.4.1. Thực trạng nhận thức của sinh viên đối với môn học GDTC

Nhằm mục đích tìm hiểu về thực trạng nhận thức của SV về môn GDTC, đề tài tiến hành phỏng vấn SV Trường ĐH Lâm nghiệp. Kết quả được trình bày tại bảng 9.

Bảng 9. Thực trạng nhận thức của sinh viên Trường ĐH Lâm Nghiệp về môn GDTC (n=600)

Nội dung khảo sát	Đồng ý	Tỉ lệ %
Câu 1: Vai trò môn giáo dục thể chất đối với sinh viên?		
Rất cần thiết	190	31.67
Cần thiết	260	43.33
Không cần thiết	150	25
Câu 2: Mức độ hài lòng của anh, chị đối với môn GDTC của trường?		
Rất hài lòng	195	32.50





Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

Nội dung khảo sát	Đồng ý	Tỉ lệ %
Hài lòng	265	44.17
Không hài lòng	140	23.33
Câu 3: Các em có tập luyện thêm môn GDTC ngoài giờ lên lớp?		
Tập thường xuyên	167	27.83
Thỉnh thoảng	284	47.33
Không có	149	24.83
Câu 4: Các yếu tố làm hạn chế SV tập luyện thêm ngoài giờ lên lớp?		
Thiếu cơ sở vật chất và dụng cụ tập luyện	87	14.50
Không có thời gian	214	35.67
Ở trọ xa địa điểm tập luyện	197	32.83
Không thích tập luyện	102	17.00

Qua bảng 9 cho thấy, Nhận thức về vai trò môn GDTC, đa số SV trả lời là rất cần thiết và cần thiết chiếm tỷ lệ 75%, số ý kiến cho là không cần thiết chiếm tỷ lệ chỉ 25%.

Về mức độ hài lòng của SV đối với môn GDTC, cũng được 76.67% cho rằng “rất hài lòng”, “hài lòng”, và có 23.33% ý kiến cho rằng không hài lòng.

Về tình hình tập luyện ngoài giờ lên lớp môn GDTC thì đa số các em đều không tham gia tập luyện thường xuyên chiếm tỷ lệ quá khiêm tốn (27.83%); tỷ lệ SV thi thoảng tập thêm và không tập luyện thêm (72.17%). Điều đó là trái với quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ: 1 giờ lên lớp phải có ít nhất 2 giờ tự học.

Về các yếu tố làm hạn chế SV tập luyện thêm ngoài giờ lên lớp, đa số cho rằng không có thời gian tham gia tập luyện (chiếm 35,67%) và địa

điểm trọ ở xa địa điểm tập luyện (chiếm 32.83%) là hai nguyên nhân chủ yếu so với hai nguyên nhân còn lại như “Thiếu cơ sở vật chất và dụng cụ tập luyện” (14.50%) và “không thích tập luyện” (17%).

2.5. Thực trạng về thái độ tích cực của SV khi học môn GDTC

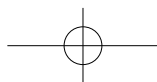
Để giải quyết vấn đề này, đề tài tiến hành phỏng vấn giảng viên trực tiếp giảng dạy và SV Trường ĐH Lâm nghiệp.

Ý kiến đánh giá của giảng viên trực tiếp giảng dạy:

Tổng hợp các ý kiến của giảng viên Bộ môn GDTC đánh giá về thực trạng thái độ tích cực tham gia học môn GDTC của SV Trường Đại học Lâm nghiệp, được trình bày tại bảng 10.

Bảng 10. Thực trạng đánh giá của giảng viên về tính tích cực của SV Trường ĐH Lâm nghiệp trong quá trình học môn GDTC (n=12)

TT	Nội dung phỏng vấn	Mức độ đánh giá					
		Rất tích cực		Tích cực		Không tích cực	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	SV nhận thức về môn học GDTC	2	16.67	6	50.00	4	33.33
2	Sự chuyên cần tập luyện qua các buổi học	1	8.33	4	33.33	7	58.33
3	Sự cố gắng hoàn thiện nội dung bài giảng theo yêu cầu bài giảng theo yêu cầu của giảng viên khi giao nhiệm vụ về nhà	3	25.00	8	66.67	1	8.33
4	Tính tự học, tự rèn luyện ngoài khóa	0	0.00	4	33.33	8	66.67



Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

Qua bảng 10 cho thấy, giảng viên đánh giá SV mức độ rất tích cực không cao, sự tích cực ở đây tập trung vào “sự cố gắng hoàn thiện nội dung bài giảng theo yêu cầu bài giảng theo yêu cầu của giảng viên khi giao nhiệm vụ về nhà” (chiếm tỷ lệ 91.67%); Ở mức độ tích cực thì giảng viên đánh giá qua 4 nội dung phỏng vấn chiếm tỷ lệ từ 33.33% đến 66.67% số người đồng ý ở mức độ này; Ở mức độ chưa tích cực giảng viên đánh giá chiếm tỷ lệ cao từ 8.33% đến 66.67% .

2.6. Đánh giá thực trạng kết quả học tập môn học GDTC của sinh viên trường ĐH Lâm Nghiệp

Kết quả học tập môn GDTC của sinh viên các năm được lưu ở phần mềm ở hệ thống quản lý của Bộ môn GDTC trường Đại học Lâm nghiệp. Việc phân loại kết quả học tập được thể hiện qua phân loại A, B+, B, C+, C, D+, D và F. Điểm chấm thi thể hiện danh sách thi là thang điểm 10, khi nhập vào phần mềm,

hệ thống phần mềm sẽ phiên đổi thành 2 loại chữ và điểm: A - B+ - B- C+ - C - D+ - D - F và 4.0 - 3.5 - 3.0 - 2.5 - 2.0 - 1.5 - 1.0 - 0, cụ thể là:

Nhập điểm 9.0 - 10 điểm chuyển sang A và điểm 4.0, loại xuất sắc.

Nhập điểm 8.0 - 8.9 điểm chuyển sang B+ và điểm 3.5, loại giỏi.

Nhập điểm 7.0 - 7.9 điểm chuyển sang B và điểm 3.0 loại khá.

Nhập điểm 6.5 - 6.9 điểm chuyển sang C+ và điểm 2,5 loại khá. Nhập điểm 6.0 - 6.4 điểm chuyển sang C và điểm 2.0 loại trung bình

Nhập điểm 5.0 - 5.9 điểm chuyển sang D+ và điểm 1.5, loại yếu.

Nhập điểm 4.0 - 4.9 điểm chuyển sang D và điểm 1.0 loại kém.

Nhập điểm 0.0 - 3.9 điểm chuyển sang F và điểm 0, không đạt.

Kết quả học tập môn GDTC được trình bày tại bảng 11.

Bảng 11. Thực trạng kết quả học tập môn GDTC của SV Trường ĐHLN

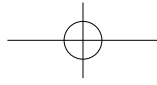
TT	Năm học	Số lượng	Xuất sắc, Giỏi (A, B+)		Khá (B, C+)		Trung bình (C)		Yếu, kém (D+, D)		Không đạt (F)		Điểm TB
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Khóa 2018-2022													
1	2017-2018	1420	125	8.80	280	19.72	640	45.07	250	17.61	125	8.80	2.21
2	2018 - 2019	1360	117	8.60	212	15.59	569	41.84	345	25.37	117	8.60	2,18
3	2019 - 2020	1260	98	7.78	218	17.30	545	43.25	314	24.92	85	6.75	2,20
4	2020 - 2021	1450	115	7.93	236	16.28	641	44.21	331	22.83	127	8.76	2,20
5	2021 - 2022	1380	122	8.84	224	16.23	580	42.03	357	25.87	97	7.03	2,19

Qua bảng 11 cho thấy, SV học tập môn GDTC đạt loại trung bình, Yếu, kém chiếm tỷ lệ cao 62,68 - 68,17%, loại xuất sắc và giỏi chiếm tỷ lệ 7.78 – 8.84%, loại khá chiếm tỷ lệ 15.59-19,72% và loại không đạt chiếm tỷ lệ từ 7.03 – 8.80% (lý do không đạt ở đây là do các nguyên nhân: SV vắng quá số buổi bị cấm thi và thi không đạt yêu cầu). Điểm trung bình, căn cứ vào quy chế phân loại như sau: Loại

xuất sắc, giỏi đạt 4 điểm; loại khá đạt 3 điểm; loại trung bình đạt 2 điểm; loại yếu, kém đạt 1 điểm và không đạt là 0 điểm, qua tính toán ta thấy điểm trung bình qua các học kỳ của các khóa đạt từ 2,18 - 2,21 điểm, thuộc mức trung bình.

4. KẾT LUẬN

Về đội ngũ giảng viên trường ĐHLN đều có chuyên môn trình độ cao đạt chuẩn và trên



Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

chuẩn. Cơ sở vật chất đảm bảo cho quá trình giảng dạy chính khóa và tập luyện ngoại khóa của SV trường ĐHLN đảm bảo về số lượng và chất lượng. Về chương trình GDTC đã đáp ứng được cơ bản nhu cầu và sở thích của SV. Về hình thức tham gia hoạt động TTNK chủ yếu là tự tập luyện, địa điểm tham gia hoạt động TTNK chủ yếu tại khu thể thao của trường và các địa điểm bên ngoài trường, SV tham gia hoạt động ngoại khóa chưa được thường xuyên, nhiều giải thể thao nhà trường không

tham gia thi đấu, thành tích thi đấu hàng năm không ổn định và ở mức thấp. Kinh phí đầu tư cho hoạt động TTNK thấp vẫn là kinh phí do nguồn chi sự nghiệp, chưa có sự xã hội hóa nguồn kinh phí. SV nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của môn GDTC còn hạn chế, năng lực tự tập luyện trong các giờ ngoại khóa còn chưa cao. Kết quả học tập của sinh viên còn xuất hiện số lượng lớn sinh viên đạt loại yếu, kém và loại không đạt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 72/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 23 tháng 12 năm 2008 về quy định tổ chức thể thao ngoại khóa cho học sinh, SV.
2. Nguyễn Bá Điệp (2016), “*Đổi mới hoạt động thể thao ngoại khóa bằng hình thức câu lạc bộ góp phần phát triển thể chất cho học sinh trung học phổ thông tỉnh Sơn La*”, Luận văn Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TĐTT, Hà Nội.
3. Lê Trường Sơn Chấn Hải (2012), “*Đổi mới chương trình giáo dục thể chất cho sinh viên các trường đại học sư phạm vùng Trung Bắc theo hướng bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức hoạt động thể dục thể thao trường học*”, Luận văn Tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TĐTT, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Thành (2012), “*Xây dựng nội dung và hình thức hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa của sinh viên một số trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh*”, Luận văn tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TĐTT, Hà Nội.
5. Võ Văn Vũ (2014), “*Đánh giá thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả GDTC và hoạt động thể thao trong trường THPT ở Đà Nẵng*”, Luận văn Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học TĐTT, Hà Nội.
6. Vũ Đức Thu và cộng sự (1998), “*Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác GDTC và phát triển TĐTT trong nhà trường các cấp*”, Đề tài NCKH cấp trường.

Nguồn bài báo: Phạm Thu Hoài (2023), Bài báo trích từ luận văn thạc sĩ “*Nghiên cứu giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học Lâm nghiệp*”.

Ngày nhận bài: 14/8/2023; Ngày đánh giá: 28/8/2023; Ngày duyệt đăng: 07/10/2023.

